

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày: 25/4/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nghiêm Đình Ché, bà Nguyễn Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Việt Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Văn B, sinh năm 1972; Trú tại: Số C phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B: Luật sư Nguyễn Mạnh H, Đoàn Luật sư tỉnh B. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Văn T, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn Ô, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966; Trú tại: Xóm T, thôn Ô, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Ngô Văn B trình bày: Ông Ngô Văn B có quen biết với ông Trương Văn T qua ông Nguyễn Văn L. Ông L đã giới thiệu ông B đến làm cửa gỗ, cầu thang gỗ và cửa

kính thủy lực cho ông T. Ngày 02/11/2018, ông B và ông T thỏa thuận với nhau về việc làm cửa gỗ, cầu thang gỗ và cửa kính thủy lực với giá tiền gỗ và tiền công như sau: Cầu thang gỗ, cửa gỗ phòng một cánh: Cầu thang gỗ lim Nam Phi + Cửa gỗ lim Nam Phi + khóa + công = 68.598.000 đồng; Cửa kính thủy lực (Kính + khóa + tiền công) = 16.000.000 đồng. Tổng cộng là 84.598.000 đồng.

Ngày 02/11/2018, ông T tạm ứng cho ông B 20.000.000 đồng tiền mặt, số tiền 64.598.000 đồng còn lại sẽ thanh toán sau khi ông B hoàn thành công việc. Ngày 16/11/2018, ông B hoàn thành việc thi công lắp đặt xong công trình, hai bên không có tranh chấp gì về kỹ thuật, lúc này ông T có ký xác nhận còn nợ ông B 64.598.000 đồng. Ngày 27/12/2018 (Âm lịch), ông T thanh toán thêm cho ông B 20.000.000 đồng. Như vậy số tiền ông T còn nợ ông B là 44.598.000 đồng. Từ đó đến nay ông T không thanh toán cho ông B bất kỳ khoản tiền nào nữa. Ông B đã nhiều lần gọi điện thoại, nhắn tin, gần nhất là năm 2023 và trước khi nộp đơn đến Tòa án, yêu cầu ông T trả nợ, nhờ ông L đòi nợ giúp nhưng ông T vẫn không trả tiền. Vì vậy, ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho ông số tiền 44.598.000 đồng, không yêu cầu ông T trả lãi.

Tại biên bản làm việc ngày 06/3/2025 bị đơn là ông Trương Văn T trình bày: Ông T đi làm nên không thể sắp xếp thời gian đến Tòa án làm việc. Ông đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và xác nhận còn nợ số tiền như ông B khởi kiện. Hiện nay ông T đang vỡ nợ, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị ông B cho ông trả nợ dần.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/12/2024, người làm chứng là ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông L là người cùng thôn và là họ hàng với ông Trương Văn T. Ông đã giới thiệu ông B đến nhà ông T thỏa thuận làm cửa gỗ, cầu thang gỗ và cửa kính thủy lực cho ông T với giá tiền: Cửa gỗ và cầu thang: 68.598.000 đồng; Cửa kính thủy lực: 16.000.000 đồng. Tổng cộng là 84.598.000 đồng. Sau khi hoàn thành công trình, ông B thông báo với ông L đã làm xong, ông T đã trả 40.000.000 đồng và còn nợ ông B 44.598.000 đồng. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền cho ông B nhưng ông T nói chưa có tiền trả. Lần cuối cùng ông nhắc ông T trả tiền ông B là năm 2023 nhưng ông T chưa trả tiền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 44.598.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội

đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa là không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 58 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, 280, 351 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trương Văn T phải trả cho ông Ngô Văn B số tiền 44.598.000 đồng.

Án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về việc vắng mặt của các đương sự: Tòa án nhân dân huyện Yên Phong đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 10/4/2025, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 19 của Hội đồng xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 25/4/2025, bị đơn vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn đã bàn giao cửa gỗ, cầu thang gỗ và cửa kính thủy lực cho bị đơn theo thỏa thuận giữa hai bên. Bị đơn đã nhận đủ toàn bộ cửa, cầu thang, đưa vào sử dụng nhưng chưa thanh toán hết tiền cho nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả khoản tiền còn nợ theo hợp đồng. Vì vậy, đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Ô, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng làm cửa gỗ, cầu thang gỗ và cửa kính thủy lực được hai bên thỏa thuận với nhau không lập thành văn bản. Tuy nhiên, hai bên đều ký xác nhận nội dung “Ngày 16/11/2018 nhà T – Ô Cách làm cửa, cầu thang. Số điện thoại 0982.296.275. 1) Cửa gỗ và cầu thang: 68.598.000 đồng. 2) Cửa kính thủy lực: 16.000.000 đồng. Cộng 2 phần: 84.598.000 đồng. Ngày 2/11/2018 T tạm ứng 20.000.000 đồng, còn lại 64.598.000 đồng. Ngày 27/12 âm lịch T trả tiền cửa 20.000.000 đồng”. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc tạo lập hợp đồng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về hợp đồng mua bán hàng hóa nên có hiệu lực pháp luật. Ông T đã nhận cửa gỗ, cầu thang, cửa kính thủy lực do ông B bàn giao theo như thỏa thuận và đã sử dụng, không có khiếu nại gì về chất lượng hàng hóa nhưng không trả tiền cho ông B theo như thỏa thuận. Ông T xác nhận còn nợ ông B số tiền 44.598.000 đồng nhưng xin trả dần vì điều kiện kinh tế khó khăn. Điều này cũng phù hợp với lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Văn L. Ông B đã đòi nhiều lần nhưng ông T không trả nên đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả cho ông B số tiền 44.598.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của ông B là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc ông T phải trả cho ông B số tiền 44.598.000 đồng.

Ông Bằng K yêu cầu ông T phải trả lãi đối với số tiền trên, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] *Về án phí:*

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trương Văn T phải trả cho ông Ngô Văn B số tiền 44.598.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí: Ông Trương Văn T phải chịu 2.229.900 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Ngô Văn B 1.115.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002525 ngày 11/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND h. Yên Phong;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS h. Yên Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Thanh